

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số ..06../QĐ - ngày 20./...A./2021 của)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu	77			
1.3	Tổng số thu trong năm	436	436	95%	97.5%
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	436	436	95%	97.5%
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	436	436	100%	100%
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Bổ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác				
1.7	Số dư cuối năm	0	0	0	0
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mô tả nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1					
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0	0	
2.1.2	Mức thu	0.7			
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.566	1.566	98,5%	100%
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.566	1.566	100%	100%
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	1.307	1.307	83,5%	100%
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.089	1.089	70%	70%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	140	140	9%	9%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	218	218	15%	15%
	- Chi phúc lợi	109	109	6%	6%
	- Chi khác:.....		0	0	0
2.1.7	Số dư cuối năm				
					
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.1					
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				
	-				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				
					
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
4.1.					
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu	240			100%
4.1.3	Tổng số thu trong năm	221.4	221.4	100%	100%
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	221.4	221.4	100%	100%
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	226	221.4	100%	100%
4.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	22.1	22.1	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....				
4.1.7	Số dư cuối năm				
					
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
5.1					
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu	0.375			
5.1.3	Tổng số thu trong năm	360	360	100%	100%
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	360	360	100%	100%
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	236	236	100%	100%
5.1.6	Số chi trong năm	360	360	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	288	288	95%	95%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	59.4	59.4	95%	95%
	- Chi phúc lợi	12.6	12.6	3.5%	90%
	- Chi khác:.....				
5.1.7	Số dư cuối năm				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
6.1					
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu				
6.1.3	Tổng thu				
6.1.4	Đã chi				
6.1.5	Dư				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe		22.6	22.6	90%
6					
					

TẠO
IG
THÔNG
ON
ĐẠI

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện ⁽¹⁾	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.666	8.666	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	3.611	3.611	100%	100%
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	98	98	100%	100%
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	229	229	100%	100%
	Chi khác	324	324	100%	100%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	2.556	2.556	100%	100%
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32.3	32.3	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	22.6	22.6	100%	100%
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác	9.7	9.7	100%	100%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2022

Người lập
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Văn Lợi

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Bùi Văn Hiến